

PHỤ LỤC I: BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày /12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

I. Phân khu vực, vị trí đất nông nghiệp

1. Phân khu vực đất nông nghiệp:

- a) **Khu vực 1:** Phường Cẩm Thành, Phường Nghĩa Lộ, Phường Trương Quang Trọng, Phường Trà Câu, Phường Đức Phổ, Phường Sa Huỳnh, Phường Kon Tum, Phường Đăk Cẩm, Phường Đăk Bla.
- b) **Khu vực 2:** Xã An Phú, xã Nguyễn Nghiêm, xã Khánh Cường, xã Bình Minh, xã Đông Sơn, xã Trường Giang, xã Ba Gia, xã Đình Cương, xã Phước Giang, xã Nghĩa Giang, xã Trà Giang, xã Tân Phong, xã Bình Chương, xã Tịnh Khê, xã Bình Sơn, xã Vạn Tường, xã Thọ Phong, xã Sơn Tịnh, xã Nghĩa Hành, xã Tư Nghĩa, xã Long Phụng, xã Mộ Cày, xã Mộ Đức, xã Vệ Giang, xã Ia Chim, xã Ngọc Bay, xã Đăk Rơ Wa.
- c) **Khu vực 3:** xã Sơn Hạ, xã Thiện Tín, xã Ba Vì, xã Ba Tô, xã Ba Động, xã Ba Tơ, xã Ba Dinh, xã Ba Vinh, xã Ba Xa, xã Sơn Linh, xã Sơn Hà, xã Sơn Thủy, xã Sơn Kỳ, xã Sơn Tây Thượng, xã Sơn Tây Hạ, xã Sơn Tây, xã Minh Long, xã Sơn Mai, xã Trà Bồng, xã Đông Trà Bồng, xã Tây Trà, xã Thanh Bồng, xã Tây Trà Bồng, xã Đặng Thùy Trâm, xã Cà Đam
- d) **Khu vực 4:** xã Đăk Hà, xã Đăk Mar, xã Bờ Y, xã Đăk Tô, xã Kon Brailh, xã Măng Đen, xã Sa Thầy, xã Đăk Kôi, xã Đăk Môn, xã Đăk Pék, xã Đăk Pxi, xã Đăk Rve, xã Đăk Ui, xã Dục Nông, xã Kon Đào, xã Ngọc Réo, xã Ngọc Tụ, xã Sa Bình, xã Sa Loong, xã Ya Ly, xã Đăk Plô, xã Đăk Sao, xã Đăk Tờ Kan, xã Ia Tơi, xã Kon Plông, xã Măng Bút, xã Măng Ri, xã Ngọc Linh, xã Tu Mơ Rông, xã Xốp, xã Đăk Long, xã Ia Đal, xã Mô Rai, xã Rờ Koi
- e) **Khu vực 5:** Đặc Khu Lý Sơn

2. Phân vị trí đất nông nghiệp:

- Vị trí 1: Các thửa đất tiếp giáp với đường giao thông có mặt cắt đường rộng từ 5m trở lên
- Vị trí 2: Các thửa đất tiếp giáp với đường giao thông có mặt cắt đường rộng dưới 5m
- Vị trí 3: Các thửa đất còn lại

II. Bảng giá các loại đất nông nghiệp

1. Bảng giá số 1. Giá đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)

- a) **Khu vực 1:** Phường Cẩm Thành, Phường Nghĩa Lộ, Phường Trương Quang Trọng, Phường Trà Câu, Phường Đức Phổ, Phường Sa Huỳnh, Phường Kon Tum, Phường Đăk Cẩm, Phường Đăk Bla.

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	75.000

2	Vị trí 2	71.000
3	Vị trí 3	68.000

- b) **Khu vực 2:** Xã An Phú, xã Nguyễn Nghiêm, xã Khánh Cường, xã Bình Minh, xã Đông Sơn, xã Trường Giang, xã Ba Gia, xã Đình Cương, xã Phước Giang, xã Nghĩa Giang, xã Trà Giang, xã Lân Phong, xã Bình Chương, xã Tịnh Khê, xã Bình Sơn, xã Vạn Tường, xã Thọ Phong, xã Sơn Tịnh, xã Nghĩa Hành, xã Tư Nghĩa, xã Long Phụng, xã Mỹ Cày, xã Mỹ Đức, xã Vệ Giang, xã Ia Chim, xã Ngọc Bay, xã Đắk Rơ Wa.

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	69.000
2	Vị trí 2	66.000
3	Vị trí 3	63.000

- c) **Khu vực 3:** xã Sơn Hạ, xã Thiện Tín, xã Ba Vì, xã Ba Tô, xã Ba Động, xã Ba Tơ, xã Ba Đình, xã Ba Vinh, xã Ba Xá, xã Sơn Linh, xã Sơn Hà, xã Sơn Thủy, xã Sơn Kỳ, xã Sơn Tây Thượng, xã Sơn Tây Hạ, xã Sơn Tây, xã Minh Long, xã Sơn Mai, xã Trà Bồng, xã Đông Trà Bồng, xã Tây Trà, xã Thanh Bồng, xã Tây Trà Bồng, xã Đặng Thùy Trâm, xã Cà Đam

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	53.000
2	Vị trí 2	50.000
3	Vị trí 3	48.000

- d) **Khu vực 4:** xã Đắk Hà, xã Đắk Mar, xã Bờ Y, xã Đắk Tô, xã Kon Braih, xã Măng Đen, xã Sa Thầy, xã Đắk Kôi, xã Đắk Môn, xã Đắk Pék, xã Đắk Pxi, xã Đắk Rve, xã Đắk Ui, xã Dục Nông, xã Kon Đào, xã Ngọc Réo, xã Ngọc Tụ, xã Sa Bình, xã Sa Loong, xã Ya Ly, xã Đắk Plô, xã Đắk Sao, xã Đắk Tờ Kan, xã Ia Toi, xã Kon Plông, xã Măng Bút, xã Măng Ri, xã Ngọc Linh, xã Tu Mơ Rông, xã Xốp, xã Đắk Long, xã Ia Đal, xã Mô Rai, xã Rờ Koi

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	53.000
2	Vị trí 2	50.000
3	Vị trí 3	48.000

e) **Khu vực 5:** Đặc Khu Lý SơnĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	165.000
2	Vị trí 2	158.000
3	Vị trí 3	150.000

2. Bảng giá số 2. Giá đất trồng cây lâu năm

- a) **Khu vực 1:** Phường Cẩm Thành, Phường Nghĩa Lộ, Phường Trương Quang Trọng, Phường Trà Câu, Phường Đức Phổ, Phường Sa Huỳnh, Phường Kon Tum, Phường Đăk Cẩm, Phường Đăk Bla.

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	75.000
2	Vị trí 2	71.000
3	Vị trí 3	68.000

- b) **Khu vực 2:** Xã An Phú, xã Nguyễn Nghiêm, xã Khánh Cường, xã Bình Minh, xã Đông Sơn, xã Trường Giang, xã Ba Gia, xã Đình Cương, xã Phước Giang, xã Nghĩa Giang, xã Trà Giang, xã Lân Phong, xã Bình Chương, xã Tịnh Khê, xã Bình Sơn, xã Vạn Tường, xã Thọ Phong, xã Sơn Tịnh, xã Nghĩa Hành, xã Tư Nghĩa, xã Long Phụng, xã Mỏ Cày, xã Mộ Đức, xã Vệ Giang, xã Ia Chim, xã Ngọc Bay, xã Đăk Rơ Wa.

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	69.000
2	Vị trí 2	66.000
3	Vị trí 3	63.000

- c) **Khu vực 3:** xã Sơn Hạ, xã Thiện Tín, xã Ba Vì, xã Ba Tô, xã Ba Động, xã Ba Tơ, xã Ba Dinh, xã Ba Vinh, xã Ba Xa, xã Sơn Linh, xã Sơn Hà, xã Sơn Thủy, xã Sơn Kỳ, xã Sơn Tây Thượng, xã Sơn Tây Hạ, xã Sơn Tây, xã Minh Long, xã Sơn Mai, xã Trà Bồng, xã Đông Trà Bồng, xã Tây Trà, xã Thanh Bồng, xã Tây Trà Bồng, xã Đặng Thùy Trâm, xã Cà Đam

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	53.000
2	Vị trí 2	50.000
3	Vị trí 3	48.000

- d) **Khu vực 4:** xã Đắk Hà, xã Đắk Mar, xã Bờ Y, xã Đắk Tô, xã Kon Braih, xã Măng Đen, xã Sa Thầy, xã Đắk Kôi, xã Đắk Môn, xã Đắk Pék, xã Đắk Pxi, xã Đắk Rve, xã Đắk Ui, xã Dục Nông, xã Kon Đào, xã Ngọc Réo, xã Ngọc Tụ, xã Sa Bình, xã Sa Loong, xã Ya Ly, xã Đắk Plô, xã Đắk Sao, xã Đắk Tờ Kan, xã Ia Toi, xã Kon Plông, xã Măng Bút, xã Măng Ri, xã Ngọc Linh, xã Tu Mơ Rông, xã Xốp, xã Đắk Long, xã Ia Đal, xã Mô Rai, xã Rờ Koi

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	53.000
2	Vị trí 2	50.000
3	Vị trí 3	48.000

- e) **Khu vực 5:** Đặc Khu Lý Sơn

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	165.000
2	Vị trí 2	158.000
3	Vị trí 3	150.000

3. Bảng giá số 3. Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản

- a) **Khu vực 1:** Phường Cẩm Thành, Phường Nghĩa Lộ, Phường Trương Quang Trọng, Phường Trà Câu, Phường Đức Phổ, Phường Sa Huỳnh, Phường Kon Tum, Phường Đắk Cẩm, Phường Đắk Bla.

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	74.000
2	Vị trí 2	70.000
3	Vị trí 3	67.000

- b) **Khu vực 2:** Xã An Phú, xã Nguyễn Nghiêm, xã Khánh Cường, xã Bình Minh, xã Đông Sơn, xã Trường Giang, xã Ba Gia, xã Đình Cương, xã Phước Giang, xã Nghĩa Giang, xã Trà Giang, xã Lân Phong, xã Bình Chương, xã Tịnh Khê, xã Bình Sơn, xã Vạn Tường, xã Thọ Phong, xã Sơn Tịnh, xã Nghĩa Hành, xã Tư Nghĩa, xã Long Phụng, xã Mộ Cày, xã Mộ Đức, xã Vệ Giang, xã Ia Chim, xã Ngọc Bay, xã Đắk Rơ Wa.

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	65.000
2	Vị trí 2	62.000
3	Vị trí 3	59.000

- c) **Khu vực 3:** xã Sơn Hạ, xã Thiện Tín, xã Ba Vì, xã Ba Tô, xã Ba Động, xã Ba Tơ, xã Ba Đình, xã Ba Vinh, xã Ba Xa, xã Sơn Linh, xã Sơn Hà, xã Sơn Thủy, xã Sơn Kỳ, xã Sơn Tây Thượng, xã Sơn Tây Hạ, xã Sơn Tây, xã Minh Long, xã Sơn Mai, xã Trà Bồng, xã Đông Trà Bồng, xã Tây Trà, xã Thanh Bồng, xã Tây Trà Bồng, xã Đặng Thùy Trâm, xã Cà Đam

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	52.000
2	Vị trí 2	49.000
3	Vị trí 3	47.000

- d) **Khu vực 4:** xã Đắk Hà, xã Đắk Mar, xã Bờ Y, xã Đắk Tô, xã Kon Braih, xã Măng Đen, xã Sa Thầy, xã Đắk Kôi, xã Đắk Môn, xã Đắk Pék, xã Đắk Pxi, xã Đắk Rve, xã Đắk Ui, xã Dục Nông, xã Kon Đào, xã Ngọc Réo, xã Ngọc Tụ, xã Sa Bình, xã Sa Loong, xã Ya Ly, xã Đắk Plô, xã Đắk Sao, xã Đắk Tờ Kan, xã Ia Toi, xã Kon Plông, xã Măng Bút, xã Măng Ri, xã Ngọc Linh, xã Tu Mơ Rông, xã Xốp, xã Đắk Long, xã Ia Đal, xã Mô Rai, xã Rờ Koi

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	33.000
2	Vị trí 2	32.000
3	Vị trí 3	30.000

4. Bảng giá số 4. Bảng giá đất rừng sản xuất

- a) **Khu vực 1:** Phường Cẩm Thành, Phường Nghĩa Lộ, Phường Trương Quang Trọng, Phường Trà Câu, Phường Đức Phổ, Phường Sa Huỳnh, Phường Kon Tum, Phường Đắk Cẩm, Phường Đắk Bla.

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	52.000
2	Vị trí 2	49.000
3	Vị trí 3	47.000

- b) **Khu vực 2:** Xã An Phú, xã Nguyễn Nghiêm, xã Khánh Cường, xã Bình Minh, xã Đông Sơn, xã Trường Giang, xã Ba Gia, xã Đình Cương, xã Phước Giang, xã Nghĩa Giang, xã Trà Giang, xã Lân Phong, xã Bình Chương, xã Tịnh Khê, xã Bình Sơn, xã Vạn Tường, xã Thọ Phong, xã Sơn Tịnh, xã Nghĩa Hành, xã Tư Nghĩa, xã Long Phụng, xã Mộ Cày, xã Mộ Đức, xã Vệ Giang, xã Ia Chim, xã Ngọc Bay, xã Đắk Rơ Wa.

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	52.000
2	Vị trí 2	49.000
3	Vị trí 3	47.000

- c) **Khu vực 3:** xã Sơn Hạ, xã Thiện Tín, xã Ba Vì, xã Ba Tô, xã Ba Động, xã Ba Tơ, xã Ba Đình, xã Ba Vinh, xã Ba Xa, xã Sơn Linh, xã Sơn Hà, xã Sơn Thủy, xã Sơn Kỳ, xã Sơn Tây Thượng, xã Sơn Tây Hạ, xã Sơn Tây, xã Minh Long, xã Sơn Mai, xã Trà Bồng, xã Đông Trà Bồng, xã Tây Trà, xã Thanh Bồng, xã Tây Trà Bồng, xã Đặng Thùy Trâm, xã Cà Đam

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	35.000
2	Vị trí 2	34.000
3	Vị trí 3	32.000

- d) **Khu vực 4:** xã Đắk Hà, xã Đắk Mar, xã Bờ Y, xã Đắk Tô, xã Kon Braih, xã Măng Đen, xã Sa Thầy, xã Đắk Kôi, xã Đắk Môn, xã Đắk Pék, xã Đắk Pxi, xã Đắk Rve, xã Đắk Ui, xã Dục Nông, xã Kon Đào, xã Ngọc Réo, xã Ngọc Tụ, xã Sa Bình, xã Sa Loong, xã Ya Ly, xã Đắk Plô, xã Đắk Sao, xã Đắk Tờ Kan, xã Ia Toi, xã Kon Plông, xã Măng Bút, xã Măng Ri, xã Ngọc Linh, xã Tu Mơ Rông, xã Xốp, xã Đắk Long, xã Ia Đal, xã Mô Rai, xã Rờ Koi

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	19.000
2	Vị trí 2	18.000
3	Vị trí 3	17.000

- e) **Khu vực 5:** Đặc Khu Lý Sơn

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	29.000
2	Vị trí 2	27.000
3	Vị trí 3	26.000

5. Bảng giá số 5. Bảng giá đất làm muối (áp dụng cho tất cả các khu vực)

ĐVT: đồng/m²

STT	Vị trí	Mức giá
1	Vị trí 1	49.000
2	Vị trí 2	47.000
3	Vị trí 3	45.000